TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG
BỘ MÔN KINH TẾ

BẢNG ĐIỂM (LẦN 1)

LỚP: CĐ ÔTÔ 18A
HỌC KỲ: 4
MÔN: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
SỐ TIẾT: 30
SỐ TC: 2
GV: NGUYỄN HỮU PHƯỚC
LOẠI: LT

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
1	0302161077	Lê Công	Phương	09/04/1998	10.0	4.7	5.0	5.4	
2	0302161582	Nguyễn Đăng	Quang	26/09/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	0302171051	Trương Thanh	Liêm	16/02/1999	7.0	4.3	6.0	5.4	
4	0302171087	Trần Ngọc	Quý	04/08/1999	10.0	5.0	2.0	4.0	
5	0302171529	Lê Thanh	Bình	07/03/1999	7.0	6.8	6.0	6.4	
6	0302171570	Nguyễn Ngọc	Long	12/06/1999	7.0	5.7	3.0	4.5	
7	0302171598	Nguyễn Hoài	Phương	20/06/1999	10.0	4.3	5.0	5.2	
8	0302171605	Đào Nguyễn Tấn	Sang	04/07/1999	7.0	6.2	6.0	6.2	
9	0302171647	Nguyễn Thành	Xuân	17/01/1999	7.0	5.0	5.0	5.2	
10	0302171711	Lương Thanh Tấn	Phát	18/02/1999	10.0	5.3	5.0	5.6	
11	0302171716	Vũ Đại	Phú	26/02/1998	7.0	5.7	1.0	3.5	
12	0302171752	Đào Quốc	Toàn	08/02/1999	7.0	5.8	6.0	6.0	
13	0302181003	Hoàng Đức	Ánh	24/11/2000	10.0	5.0	5.0	5.5	
14	0302181004	Đào Thiên	Bảo	11/07/1996	7.0	6.2	6.0	6.2	
15	0302181005	Nguyễn Đức	Bảo	23/2/2000	10.0	5.8	6.0	6.3	
16	0302181006	Nguyễn Quốc	Bảo	28/12/2000	10.0	5.3	2.0	4.1	
17	0302181007	Phan Ngọc	Bão	17/09/2000	10.0	7.2	6.0	6.9	
18	0302181008	Lê Minh	Cảnh	04/07/2000	10.0	9.7	8.0	8.9	
19	0302181009	Hồ Nhựt	Chánh	25/12/2000	10.0	7.3	8.0	7.9	
20	0302181010	Huỳnh Hữu	Chí	13/06/2000	10.0	7.5	8.0	8.0	
21	0302181012	Thái Tường	Duy	17/03/2000	10.0	7.3	8.0	7.9	
22	0302181013	Dương Tuấn	Đạt	30/08/2000	10.0	9.0	7.0	8.1	
23	0302181014	Phạm Tấn	Đô	15/09/2000	10.0	3.7	5.0	5.0	
24	0302181015	Nguyễn Đăng	Đức	18/09/2000	10.0	8.0	8.0	8.2	
25	0302181016	Võ Huỳnh	Đức	18/02/2000	10.0	5.7	4.0	5.3	
26	0302181017	Võ Anh	Hào	21/10/2000	10.0	8.0	6.0	7.2	
27	0302181018	Huỳnh Thanh	Hải	28/05/2000	10.0	9.2	6.0	7.7	
28	0302181019	Phạm Trường	Hải	22/06/2000	7.0	6.2	4.0	5.2	
29	0302181020	Lê	Hiếu	10/2/2000	10.0	6.3	7.0	7.0	
30	0302181021	Nguyễn Thanh	Hiếu	03/08/2000	7.0	5.3	4.0	4.8	
31	0302181022	Nguyễn Văn	Hiếu	29/11/2000	7.0	4.5	5.0	5.0	
32	0302181023	Võ Nhựt Minh	Hiếu	08/09/2000	10.0	7.0	6.0	6.8	
33	0302181024	Trần Như	Hòa	14/10/2000	10.0	6.2	6.0	6.5	

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
34	0302181025	Nguyễn Hoàng	Huy	24/10/2000	10.0	6.0	6.0	6.4	
35	0302181026	Trần Nhật	Huy	06/10/2000	10.0	6.3	7.0	7.0	
36	0302181027	Phan Đình	Huynh	03/01/2000	10.0	6.7	8.0	7.7	
37	0302181029	Lê Trần Nguyên	Khang	16/06/2000	10.0	7.0	5.0	6.3	
38	0302181030	Lưu Nguyễn Duy	Khang	04/07/2000	10.0	9.5	8.0	8.8	
39	0302181031	Nguyễn Duy	Khang	08/10/2000	10.0	7.7	7.0	7.6	
40	0302181032	Trần Dĩ	Khang	01/04/2000	7.0	3.2	8.0	6.0	
41	0302181033	Lê Quốc	Khánh	06/01/2000	10.0	9.2	8.0	8.7	
42	0302181034	Nguyễn Trọng	Khánh	13/05/2000	10.0	6.3	7.0	7.0	
43	0302181035	Phạm Anh	Khoa	28/04/2000	10.0	3.3	8.0	6.3	
44	0302181036	Trần Tân	Khoa	02/02/2000	10.0	7.7	7.0	7.6	
45	0302181038	Đào Tuấn	Khuê	26/04/2000	10.0	5.3	2.0	4.1	
46	0302181039	Nguyễn Lăm Thế	Kỳ	25/01/2000	10.0	5.5	4.0	5.2	
47	0302181040	Nguyễn Đức Tùng	Lâm	06/01/2000	7.0	4.3	6.0	5.4	
48	0302181041	Nguyễn Vũ	Linh	26/11/1999	10.0	7.8	7.0	7.6	
49	0302181043	Đặng Thế	Long	27/7/2000	7.0	6.5	7.0	6.8	
50	0302181044	Lê Bảo	Long	05/07/2000	10.0	6.2	7.0	7.0	
51	0302181046	Nguyễn Tấn	Long	16/09/2000	10.0	9.5	6.0	7.8	
52	0302181047	Nguyễn Thành	Long	28/07/2000	10.0	5.0	6.0	6.0	
53	0302181048	Huỳnh Phước	Lộc	30/05/2000	7.0	5.7	7.0	6.5	
54	0302181049	Nguyễn Phạm Thành	Luân	05/05/2000	10.0	5.0	8.0	7.0	
55	0302181050	Nguyễn Thành	Luận	12/10/2000	7.0	5.2	5.0	5.3	
56	0302181051	Phạm Minh	Mẫn	02/09/2000	10.0	8.7	8.0	8.5	
57	0302181052	Trần Văn	Miền	16/01/2000	10.0	7.3	7.0	7.4	
58	0302181054	Lê Thanh	Nam	10/3/2000	10.0	5.8	4.0	5.3	
59	0302181055	Nguyễn Hoài	Nam	01/03/2000	10.0	5.7	8.0	7.3	
60	0302181056	Nguyễn Thành	Nam	21/4/2000	10.0	5.5	5.0	5.7	
61	0302181057	Bùi Trọng	Năng	02/05/2000	10.0	5.8	5.0	5.8	
62	0302181058	Nguyễn Trọng	Nghĩa	14/07/2000	7.0	8.7	7.0	7.7	
63	0302181060	Trần Tiến	Nghĩa	3/4/1998	10.0	7.0	7.0	7.3	
64	0302181061	Trương Hoài	Nghĩa	06/01/2000	7.0	8.5	7.0	7.6	
65	0302181062	Hồ Minh	Nghị	01/12/2000	10.0	8.8	8.0	8.5	
66	0302181063	Nguyễn Đào	Nguyên	5/1/2000	10.0	8.5	8.0	8.4	
67	0302181064	Lê Tài	Nhân	20/09/2000	10.0	4.0	7.0	6.1	
68	0302181065	Lữ Hoàng	Nhân	08/04/2000	10.0	7.2	7.0	7.4	
69	0302181066	Nguyễn Trọng	Nhân	18/04/2000	7.0	5.7	0.0	3.0	
70	0302181068	Nguyễn Lê Công	Nhựt	20/08/1999	7.0	5.7	2.0	4.0	
71	0302181069	Nguyễn Trung	Pháp	16/09/2000	7.0	5.0	5.0	5.2	
72	0302181070	Lê Hiệp	Phát	30/11/2000	10.0	5.3	2.0	4.1	
73	0302181071	Hồ Trường	Phong	21/7/1999	10.0	4.3	5.0	5.2	

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
74	0302181072	Nguyễn Thanh	Phong	02/07/2000	7.0	4.3	7.0	5.9	
75	0302181073	Nguyễn Vĩnh	Phú	15/9/2000	10.0	7.8	3.0	5.6	
76	0302181074	Nguyễn Thanh	Phúc	05/09/2000	10.0	7.7	6.0	7.1	
77	0302181075	Nguyễn Trọng	Quân	18/01/2000	10.0	9.0	8.0	8.6	
78	0302181076	Mai Hoàng Thiên	Quý	30/11/2000	10.0	8.5	8.0	8.4	
79	0302181077	Nguyễn Minh	Sang	12/05/2000	10.0	9.0	8.0	8.6	
80	0302181078	Trần Thanh	Sang	25/02/2000	10.0	8.2	7.0	7.8	
81	0302181080	Nguyễn Hoài	Sơn	06/12/2000	10.0	6.7	7.0	7.2	
82	0302181081	Điểu	Srai	18/10/1999	10.0	4.5	6.0	5.8	
83	0302181082	Nguyễn Quốc	Sự	24/02/2000	7.0	5.7	6.0	6.0	
84	0302181083	Lê Anh	Tài	09/04/2000	10.0	8.5	8.0	8.4	
85	0302181084	Thân Thành	Tâm	09/11/2000	10.0	9.2	8.0	8.7	
86	0302181086	Phạm Văn	Tấn	10/12/2000	7.0	6.0	8.0	7.1	
87	0302181087	Huỳnh Minh	Thành	04/12/2000	10.0	7.7	8.0	8.1	
88	0302181088	Lại Quốc	Thành	12/07/2000	10.0	4.8	5.0	5.4	
89	0302181089	Nguyễn Chí	Thành	04/12/2000	10.0	6.3	4.0	5.5	
90	0302181091	Huỳnh Hữu	Thái	08/01/2000	10.0	8.8	8.0	8.5	
91	0302181092	Nguyễn Phan Hoàng	Thiện	28/12/2000	10.0	5.8	7.0	6.8	
92	0302181093	Trần Hải Minh	Thiện	22/05/2000	10.0	8.0	8.0	8.2	
93	0302181094	Nguyễn Quốc	Thịnh	22/09/2000	10.0	7.0	7.0	7.3	
94	0302181095	Bùi Hữu	Thoại	14/05/1999	7.0	5.3	4.0	4.8	
95	0302181096	Đặng Lê Đức	Thọ	27/06/2000	10.0	5.5	4.0	5.2	
96	0302181097	Dương Văn	Thông	24/12/1999	10.0	8.3	7.0	7.8	
97	0302181099	Trần Hoàng	Tiến	01/01/2000	10.0	6.5	6.0	6.6	
98	0302181100	Vũ Minh	Tiến	22/04/2000	10.0	8.5	8.0	8.4	
99	0302181101	Hồ Thanh	Toàn	28/09/2000	10.0	6.8	7.0	7.2	
100	0302181102	Huỳnh Bá	Toàn	20/03/2000	7.0	9.5	7.0	8.0	
101	0302181103	Nguyễn Văn	Triều	04/04/2000	7.0	8.5	7.0	7.6	
102	0302181104	Nguyễn Huỳnh Minh	Trí	14/02/2000	10.0	3.8	8.0	6.5	
103	0302181105	Nguyễn Minh	Trí	07/07/2000	10.0	9.3	8.0	8.7	
104	0302181106	Lê Văn	Trọng	2/6/2000	10.0	9.8	8.0	8.9	
105	0302181107	Lê Nguyễn Thanh	Trung	22/07/2000	10.0	8.7	7.0	8.0	
106	0302181109	Phan Công	Tú	08/08/2000	10.0	9.2	7.0	8.2	
107	0302181110	Trần Trung	Tú	14/01/2000	10.0	7.0	8.0	7.8	
108	0302181111	Diệp Quốc	Việt	04/05/2000	10.0	8.7	6.0	7.5	
109	0302181112	Hồ Quốc	Việt	18/01/2000	10.0	9.8	8.0	8.9	
110	0302181113	Phan Quốc	Việt	04/05/2000	10.0	8.8	8.0	8.5	
111	0302181114	Văn Tấn	Vĩ	22/08/2000	10.0	9.2	8.0	8.7	
112	0302181115	Nguyễn Bá	Vương	18/4/2000	10.0	8.3	8.0	8.3	

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	CHUYÊN CẦN	ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI L1	TỔNG KẾT L1	GHI CHÚ
113	0302171604	Nguyễn Thành	Quý	30/10/1999	7.0	1.7	0.0	1.4	HG-CĐÔTÔ17E-QTDN
114	0302171697	Trần Công	Lộc	24/11/1998	4.0	1.7	0.0	1.1	HG-CĐÔTÔ17F-QTDN

Thống kê	Tổng	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Số lượng (Tỉ lệ)	114(100%)	0(0%)	27(23.7%)	30(26.3%)	20(17.5%)	24(21.1%)	9(7.9%)	4(3.5%)

BỘ MÔN KINH TẾ

Ngày 07 tháng 08 năm 2020

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

NGUYỄN HỮU PHƯỚC